

Bản án số: **49/2019/HS-PT**.
Ngày: 18-9-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;
Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga;
Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Nga-Kiểm sát viên.

Trong ngày 18-9-2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLPT-HS ngày 09-8-2019 đối với bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 01-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Dù L; Sinh ngày 20/10/1992, tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm C, phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Hạt L (c) và bà Huỳnh Muỗi I (s); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; (Bị cáo có mặt).

2. Trần Dù H; Sinh ngày 23/10/1999, tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm C, phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Trần Hạt L (c) và bà Huỳnh Muỗi I (s); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Trần Văn G; người làm chứng: NLC1, NLC2, NLC3, NLC4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 30-5-2018, trong lúc bị hại Trần Văn G đang ngồi trên xe mô tô đậu trước sân của shop P thuộc khóm 4, phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng để đợi gặp vợ là NLC4 thì Trần Dù L điều khiển xe một mình và Trần Dù H điều khiển xe mô tô chở NLC2 đến chỗ G, khi gặp G thì giữa L và G xảy ra cự cãi, L dùng tay đẩy G ngã xuống đất rồi L, H điều khiển xe mô tô đi đến Quốc lộ Nam Sông Hậu; lúc này G đi vào shop P kéo vợ là NLC4 đi ra trước cửa shop, G và NLC4 cự cãi nhau rồi G dùng tay đánh NLC4 nhiều cái, thấy vậy Trần Dù L và Trần Dù H quay lại chỗ G, L lấy cây gậy ba khúc bằng kim loại dài 61,5cm trong túi quần ra và đánh trúng vào cẳng tay trái và đỉnh đầu trái của Giang gây thương tích, H thấy G dùng tay đánh trả lại L nên Hèn xuống xe dùng tay đánh một cái vào mặt trúng ngay mũi của G làm gãy xương chính mũi, G bỏ chạy, còn L và H bỏ đi về nhà. Sau đó, G trình báo Công an phường 1, rồi đi điều trị thương tích tại Trung tâm y tế V đến ngày 04/6/2018 thì xuất viện. Sau khi điều trị thương tích G làm đơn yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L và H.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 182/TgT-PY, ngày 26-9-2018 và tại Công văn số 122/GĐTH-TTPY, ngày 14-11-2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng, kết luận thương tích của Trần Văn G:

- Sẹo mất tóc vùng đỉnh đầu trái, kích thước: 01cm x 0,2cm;

- Sẹo phần mềm cẳng tay trái, kích thước: 01cm x 0,5cm;

Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%.

- Gãy xương chính mũi không gây ảnh hưởng đến chức năng thở và ngửi với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%. Tổn thương do vật tày gây nên, không ảnh hưởng chức năng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 01-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 59; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; Riêng bị cáo H còn căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Trần Dù L: **02 (hai) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

2. Xử phạt bị cáo Trần Dù H: **01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 15-7-2019, bị cáo Trần Dù L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15-7-2019, bị cáo Trần Dù H kháng cáo xin cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là xin hưởng án treo.

- Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp phạm tội “có tính chất côn đồ”, bởi vì bị cáo L có mâu thuẫn trước với bị hại G, anh G nhìn bị cáo L nên bị cáo L đến hỏi chuyện và có xô đẩy bị hại. Khi thấy bị hại G đánh vợ thì bị cáo vào can ngăn, còn bị cáo H thấy anh ruột là bị cáo L đánh nhau với bị hại thì bị cáo H vào can và có dùng tay đánh 01 cái trúng vào mũi của bị hại. Các bị cáo đã cùng khắc phục hậu quả, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thị xã V vào ngày 15-7-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét giải quyết kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, H thay đổi nội dung kháng cáo xin hưởng án treo thì thấy việc thay đổi này là tự nguyện, phù hợp với Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 30-5-2018, khi nhìn thấy bị hại Trần Văn G đánh vợ G là NLC4 thì bị cáo L không can ngăn mà dùng cây gậy ba khúc bằng kim loại đánh trúng vào cẳng tay trái và vùng đỉnh đầu trái của bị hại G, khi thấy bị hại G dùng tay đánh lại L thì bị cáo H dùng tay đánh trúng vào mũi của bị hại. Hậu quả các bị cáo gây thương tích cho bị hại với tổng tỷ lệ 12%. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ”, riêng hành vi của bị cáo L còn thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” nên đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận và xử phạt các bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H thì thấy, chỉ vì bị hại G nhìn bị cáo L thì bị cáo L đến hỏi chuyện, có mang theo gậy ba khúc, rồi cự cãi, xô bị hại. Khi thấy bị hại G đánh vợ thì bị cáo L không can ngăn mà còn dùng gậy ba khúc đánh bị hại G gây thương tích. Tương tự như bị cáo Loán, khi thấy anh ruột là bị cáo L đánh nhau với bị hại G, bị cáo H không những không can ngăn, dù không mâu thuẫn trước mà bị cáo H còn đánh bị hại G tiếp bị cáo L. Như vậy, rõ ràng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ”, xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo quy định: “Không cho hưởng án treo đối với người phạm tội có tính chất côn đồ”. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo cũng như đề nghị của người bào chữa là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H.

2. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 59; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo; Riêng bị cáo H còn căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Trần Dù L: **02 (hai) năm tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Dù H: **01 (một) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Trần Dù L, Trần Dù H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản)
- TAND TX. Vĩnh Châu; (02 bản)
- VKSND TX. Vĩnh Châu; (01 bản)
- CQĐT - Công an TX. Vĩnh Châu; (01 bản)
- CQTHAHS-Công an TX. Vĩnh Châu; (01 bản)
- Chi cục THADS TX. Vĩnh Châu (01 bản);
- Bị cáo. (03 bản)
- PKTNNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Sơ Tư pháp; (01 bản)
- Lưu (04 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Thái Rết

